

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ C  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2020/DS-ST

Ngày: 14 – 7 – 2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Hân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoàng Kha

2. Ông Huỳnh Hoàng Khởi

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Thanh Quốc, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2020/TLST-DS ngày 31 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 363/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh C**

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn K, Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Văn K (theo văn bản ủy quyền số 05/2020/GUQ-QHTPTHTX ngày 09/01/2020): Anh Phạm Hoàng D sinh năm 1986. (có mặt)

Địa chỉ: Đường PNH, khóm C1, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1959. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm C1, phường TX, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 31/01/2020 của nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:*

Năm 2010, ông Nguyễn Thanh T là Chủ nhiệm hợp tác xã APG ký hợp đồng vay vốn của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh C (vốn điều lệ của quỹ từ ngân sách tỉnh C) với tổng số tiền 120.000.000 đồng, gồm: Hợp đồng số 42/HĐVV ngày 23/9/2010 vay số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 0,675%/tháng; Hợp đồng số 54/HĐVV ngày 11/10/2010 vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất trong

hạn là 0,709%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Thời hạn 02 hợp đồng đều là 12 tháng. Trả vốn một lần sau khi kết thúc hợp đồng. Quá trình vay đến nay, ông T chưa thanh toán vốn, chỉ thanh toán được một phần tiền lãi. Tính đến ngày 31/12/2019, ông T còn nợ Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh C tiền vốn của hai hợp đồng nêu trên với tổng số tiền 120.000.000 đồng vốn và 122.655.950 đồng tiền lãi. Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh C yêu cầu ông T thanh toán khoản nợ nêu trên và yêu cầu tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 01/01/2020 theo hợp đồng đã ký đến khi thanh toán xong nợ.

*Tại phiên tòa, anh Phạm Hoàng D – đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định:*

Đối với Hợp đồng vay số 42/HĐVV ngày 23/9/2010, ông T đã thanh toán lãi đến ngày 23/9/2011. Hợp đồng số 54/HĐVV ngày 11/10/2010 ông T đã thanh toán lãi đến ngày 11/10/2011. Tính đến ngày 31/12/2019 tổng tiền lãi của hai khoản vay trên ông T còn nợ là 122.655.950 đồng.

Khi ông T vi phạm hợp đồng vay nêu trên, ông T thay đổi chỗ ở nên Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh C không liên hệ được với ông T để yêu cầu thanh toán nợ. Đến ngày 15/01/2019, qua làm việc với ông T thì ông T thừa nhận hai khoản nợ nêu trên là nợ cá nhân của ông T. Ông T cam kết trả cho Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh C khoản nợ nêu trên nhưng do kinh doanh thua lỗ nên ông chưa có khả năng thanh toán nợ.

Nay Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Thanh T.

*Đối với ông Nguyễn Thanh T:* Mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo cho ông T đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập ông T đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông T vẫn không có mặt tại Tòa án theo Thông báo, Giấy triệu tập của Tòa án, cũng không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về tố tụng: Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh C khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh T thanh toán khoản nợ tiền vay. Do đó, tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự, mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Ông T đang cư trú tại thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết. Vụ án không hòa giải được nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông T vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, có xác định thời hạn và có lãi suất. Hợp

đồng vay tài sản giữa các bên được thiết lập trên tinh thần tự nguyện thỏa thuận của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh C và ông Nguyễn Thanh T. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản làm việc ngày 15/01/2019, ông Nguyễn Thanh T thừa nhận khoản nợ ông đại diện Hợp tác xã APG vay Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh C là nợ cá nhân của ông và ông T đồng ý thanh toán nợ cho Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh C. Lời thừa nhận của ông T phù hợp với hai Hợp đồng số 42/HĐVV ngày 23/9/2010 và hợp đồng số 54/HĐVV ngày 11/10/2011, phù hợp với các Biên bản giao vốn ngày 23/9/2010 số tiền vay 70.000.000 đồng và ngày 11/10/2010 số tiền vay 50.000.000 đồng do ông T ký nhận. Đồng thời trong hợp đồng vay vốn có quy định lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn nên ông T phải chịu lãi suất với mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng đã ký. Việc thỏa thuận lãi trên phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Tổng tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tính đến ngày 31/12/2019 của hai hợp đồng vay tài sản nêu trên với số tiền 122.655.950 đồng. Quá trình giải quyết, ông T cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh C được chấp nhận nên ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh C không phải chịu án phí, đã được miễn dự nộp theo quy định nên không xem xét việc hoàn lại.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1 - Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh C. Buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh T thanh toán cho Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh C tổng số tiền 242.655.950 đồng (trong đó: Tiền vốn 120.000.000 đồng, tiền lãi 122.655.950 đồng). Buộc bị đơn tiếp tục thanh toán lãi cho nguyên đơn từ ngày 01/01/2020 với mức lãi suất nợ quá hạn tính trên số tiền vốn của mỗi hợp đồng vay đã ký với Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh C cho đến khi ông T thanh toán xong nợ.

2 - Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Nguyễn Thanh T phải chịu 12.133.000 đồng (chưa nộp). Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh C không phải chịu án phí, đã được miễn dự nộp theo quy định nên không xem xét việc hoàn lại.

3 - Về quyền kháng cáo: Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Thanh T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hân